

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-02-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Hữu Tài**.

2/ Bà **Trần Thị Kim Đồng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 500/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Huỳnh N**, sinh năm 2004. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 2001. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị Hồng D**, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09/11/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc H thành hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 05/7/2022.

Thời gian chung sống được 02 năm, trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, cảm thấy sống không hợp nhau và vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2022 đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ H, sinh ngày 01/10/2022 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ.

- Về tài sản chung: có 01 cây vàng 24k, đã bán 03 chỉ để làm chi phí sinh con. Sau khi cưới mẹ chồng mượn 07 chỉ, chị yêu cầu mẹ chồng giao trả lại cho chị và chị xin hưởng toàn bộ để nuôi con.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 09/01/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian thành hôn, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống. Anh xác định thời gian vợ chồng chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau đó bên nhà chị N nói cho chị N về nhà chị N để dưỡng thai và sau khi sinh xong sẽ cho rước về, sau khi chị N sinh con thì gia đình anh có đến rước chị N về nhưng cha vợ anh rủ cha ruột anh đánh tay đôi nên cha mẹ anh bỏ về, giữa anh và chị N có xảy ra mâu thuẫn về vấn đề kinh tế và vợ chồng ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Nay theo yêu cầu xin ly hôn của chị N thì anh không đồng ý, anh xin được đoàn tụ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ H, sinh ngày 01/10/2022, hiện đang sống chung với chị N. Trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Có 10 chỉ vàng 24k, trong quá trình chung sống đã bán 03 chỉ để sinh con, bán 05 chỉ để mua bò nuôi vào tháng 4/2021. Theo yêu cầu của chị N thì anh đồng ý bán bò để chia đôi.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/01/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng D trình bày: Theo yêu cầu của chị N thì bà không đồng ý do bà không có mượn vàng của vợ chồng chị N, anh H.

Tại biên bản hoà giải ngày 09/01/2023 cũng như phiên toà, nguyên đơn chị N trình bày: Chị vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh H do trong quá trình chung sống thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cha chồng chị nhậu vô xua đòi chị nhiều lần, vợ chồng thường cự cãi do anh H đi làm chỉ lo cho cha mẹ anh H mà không chăm lo cho chị trong lúc chị đang mang thai và vợ chồng đã ly thân từ

tháng 7/2022 đến nay không hàn gắn được. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh H. Con chung chị yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huỳnh N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung đối với anh Nguyễn Ngọc H cư trú tại ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng D được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Huỳnh N và anh Nguyễn Ngọc H thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 vào ngày 05/7/2022 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị N và anh H thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống do anh H không quan tâm lo cho vợ con, gia đình hai bên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng ly thân từ tháng 7/2022 đến nay không hàn gắn lại được. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị N và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Xét thấy con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ H, sinh ngày 01/10/2022 hiện đang sống trực tiếp với chị N, cuộc sống của cháu cũng đảm bảo. Chị N yêu cầu

được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H cũng đã có ý kiến nêu Toà án giải quyết cho ly hôn thì đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ H, sinh ngày 01/10/2022 cho chị Nguyễn Thị Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N. Xử cho chị N ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ H, sinh ngày 01/10/2022 cho chị Nguyễn Thị Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Các đương sự tự thoả thuận, chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Huỳnh N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0014478 ngày 11/11/2022 và 875.000đ (*Tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0014985 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Hoàn trả lại chị N số tiền chênh lệch là 875.000đ (*Tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
 - VKSND huyện Trà Ôn;
 - THADS huyện Trà Ôn;
 - UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 05/7/2022);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An